

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2020
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Diễm C**, sinh năm 1988 (Có mặt). Trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh **Lâm Bé N**, sinh năm 1990 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Diễm C trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Bé N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời. Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó có nhiều lý do khác nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Bé N; Về con chung: Có 02 người con chung tên: Lâm Gia H, sinh ngày 07/9/2017 (Giới tính: Nam) và Lâm Gia B, sinh ngày 22/7/2019 (Giới tính: Nam). Hiện, các cháu do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu; Yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Bé N trình bày: Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị C; Nay đồng ý ly hôn với chị C, do vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không hàn gắn lại được; Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu chị C giao lại cháu

Gia H cho anh nuôi dưỡng; Còn cháu Gia B đồng ý giao cho chị C nuôi dưỡng; Không đặt ra việc cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Chị C và anh N tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 18/10/2016 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời cấp; Nên, hôn nhân giữa chị C và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, giữa chị C và anh N đã có phát sinh mâu thuẫn như chị C, anh N trình bày tại biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 12/02/2020, như: Bất đồng ý kiến, quan điểm sống, dẫn đến cãi nhau, làm cho tình trạng vợ chồng không còn hạnh phúc; Mặt khác, chị C, anh N thống nhất xác định hiện anh, chị không còn sống chung, đã ly thân; Chị C đã về sống với cha mẹ của chị C tại ấp Rạch Lùm C, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời; Tại biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 12/02/2020; anh N thống nhất ly hôn với chị C; Tại phiên tòa chị N tiếp tục xác định không còn tình cảm với anh N; cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị C, anh N là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị C, anh N có 02 người con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 22/7/2019 (Giới tính: Nam) và Lâm Gia H, sinh ngày 07/9/2017 (Giới tính: Nam). Hiện, các cháu do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành; Anh N đồng ý cháu Gia B cho chị C nuôi dưỡng, còn cháu Gia H yêu cầu được nuôi; nhưng anh N lại vắng mặt 02 lần phiên tòa sơ thẩm; Cho thấy, anh N không có thiện chí hoặc quyết liệt trong việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Gia H; Còn chị N vẫn giữ quan điểm, mong muốn được nuôi dưỡng 02 cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống nên cần tiếp tục giao cháu Gia B và Gia H cho chị C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị C có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh N cố tình

vắng mặt, đồng thời tại biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 12/02/2020 anh N không đồng ý cấp dưỡng; Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con"; Do đó, chị C yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử (Ngày 10/3/2020) đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Như vậy, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu mỗi tháng với số tiền 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 10/3/2020.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án; chị C và anh N không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Buộc chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng; anh N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: Điều 19; Điều 38; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Diễm C được ly hôn với anh Lâm Bé N.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Diễm C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên: Lâm Gia H, sinh ngày 07/9/2017 (Giới tính: Nam) và Lâm Gia B, sinh ngày 22/7/2019 (Giới tính: Nam), cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.
3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Lâm Bé N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên: Lâm Gia H, sinh ngày 07/9/2017 (Giới tính: Nam) và Lâm Gia B, sinh ngày 22/7/2019 (Giới tính: Nam) với mỗi cháu số tiền: 745.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 10/3/2020.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Diễm C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003119 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Buộc anh Lâm Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (Chưa nộp).

5. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang